

Kỷ niệm 35 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30.4.1975 - 30.4.2010): Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong Đại thắng mùa xuân 1975

TRẦN THANH ĐẠM- Cán bộ hưu trí – Hội viên Hội sử học Bình Dương



Vào Đông Xuân 1974-1975, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đang đi vào ngõ cụt. Quân giải phóng miền Nam đã chiến thắng lớn trên các chiến trường. Từ ngày 30-9 đến ngày 8-10- 1974, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp thông qua phương án giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976. Nhưng qua chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Phước Long và nhất là chiến thắng Buôn Ma Thuột (10-3-1975), Bộ Chính trị đã quyết định giành thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trong năm 1975. Cuối cùng, ngày 27-4-1975, Bộ Chính trị điều chỉnh là ta sẽ chiến thắng trước mùa mưa năm 1975. Đúng 6 giờ ngày 27-4-1975, mệnh lệnh tổng tiến công Sài Gòn của Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy

Trung ương đã ban ra. Qua diễn biến của chiến dịch, nhiều lúc ta tưởng như chiến thắng là ngẫu nhiên mà chính là tất yếu, bắt nguồn và chuẩn bị từ trong cái tất yếu, hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử cách mạng.

Vì, đến trước khi ta tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, tuy đại bộ phận quân Mỹ đã rút về nước, nhưng toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh, căn cứ quân sự chúng đã chuyển giao cho hơn nửa triệu quân đội Sài Gòn. Tại thành phố Sài Gòn trước khi mở màn chiến dịch Hồ Chí Minh, quân lính và hệ thống kìm kẹp của chúng còn ken dày. Nhưng với nghệ thuật quân sự Việt Nam ta đã tiến công và nổi dậy toàn diện: quân sự, chính trị, ngoại giao, binh vận làm tan rã toàn bộ quân đội và hệ thống ngụy quyền Sài Gòn, giữ được thành phố nguyên vẹn, không diễn ra đẫm máu như nhiều chính khách nước ngoài dự đoán. Vì sao ta đã giành chiến thắng chấn động địa cầu như vậy? Đó là:

- Một là, ta chọn và “điểm huyệt” chính xác làm thối động hàng ngũ địch, bảo đảm chiến dịch giành thắng lợi vang dội nhất và nhanh nhất.

Ngày 9-1-1975 trong cuộc họp Tổng Quân ủy Trung ương ta đã quán triệt phương châm “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, mạnh bạo, bí mật, bất ngờ, tổ chức nghi binh thật khéo”. Từ đó khơi dậy truyền thống dũng cảm và bản lĩnh thông minh sáng tạo của quân đội ta. Buôn Ma Thuật được chọn làm trận “điểm huyệt” chính xác của chiến dịch Tây nguyên do đồng chí Hoàng Minh Thảo làm tư lệnh. Đây là nghệ thuật “giương Đông kích Tây” làm cho đối phương mất phương hướng đối phó. Vì Buôn Ma Thuật tuy được giới quân sự Sài Gòn cho là “thủ phủ” của cả Tây nguyên, nhưng trong thực tiễn, chúng lo đối phó với hoạt động mạnh của ta ở mặt trận Bắc Tây nguyên, nên ở đây có nhiều sơ hở và thậm chí quân địch chưa thật sẵn sàng chiến đấu khi lâm trận. Càng gần đến ngày mở màn chiến dịch, được lệnh của Tổng Quân ủy, Quân khu 5 đã điều quân lên hướng Pleiku - Kontum, làm cho chúng mất phương hướng, đã tập trung nhiều quân về phía ấy để đối phó với ta. Vì vậy, khi quân ta đồng loạt tiến công vào Buôn Ma Thuật, đại bản doanh của Sư đoàn 23, lực lượng chủ yếu của chúng tại đây tan rã nhanh chóng. Nguyễn Văn Thiệu hốt hoảng ra lệnh cho toàn bộ quân Sài Gòn rút về giữ các tỉnh ven biển miền Trung. Nhưng đã mất tinh thần, cả thầy lẫn tớ bỏ cả các tỉnh ven biển miền Trung mà chạy dài.

- Hai là: Nghi binh, đánh lừa địch để liên tiếp giành thắng lợi.

Từ xưa đến nay, nghi binh là phép cầm quân trong binh thư đối với cả hai bên đều vận dụng để đánh lừa nhau, đối trí nhau. Vào đầu năm 1975 là thời điểm khởi động tiến công địch khắp nơi. Ở Hà Nội, tình báo Mỹ và các nước phương Tây đã đeo bám cơ quan tổng hành dinh ta. Nhưng để đánh lạc hướng địch, báo đài Trung ương và địa phương vẫn thường xuyên đưa tin các đồng chí lãnh đạo đã đi dự lễ thành lập quân đội các nước bạn, đi thăm bộ đội, các binh chủng xe tăng, pháo binh, trong khi

các đồng chí Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng và nhiều binh chủng đã tiến vào chiến trường từ lâu. Đài Tiếng nói Việt Nam, cùng với Đài Phát thanh Giải phóng ra rả kêu gọi cố vấn, nhân viên tình báo, do thám Mỹ lập tức rút khỏi miền Nam Việt Nam và các nhà chính trị Sài Gòn phải thành lập Chính phủ mới biết điều hơn, không gây tội ác với nhân dân.

Tại Ủy ban Liên hợp đình chiến 4 bên ở Tân Sơn Nhất chỉ di tản bớt một số cán bộ cao cấp ra an toàn khu, còn vẫn sinh hoạt bình thường, giữ quan hệ tốt với phái đoàn Ba Lan, Hunggari trong Ủy ban Quốc tế.

Ở nhiều cuộc họp 4 bên về đình chiến, phái đoàn ta giải thích với các nhà báo nước ngoài về hoạt động quân sự của quân giải phóng trên chiến trường là để đối phương phải trở lại thi hành hiệp định Paris. Ngay đại sứ Mỹ Graham Martin, Giám đốc CIA, Phân cục Sài Gòn Polgar và sĩ quan liên lạc Summes trong phái đoàn Mỹ đình ninh vẫn còn cơ hội đàm phán với ta. Ngày 25-4, Summes thông báo với phái đoàn ta là Thiệu đã từ chức, lập Chính phủ mới, tàu chiến Mỹ đến Sài Gòn để di tản nhân viên còn lại của Mỹ và nói: “Mỹ đã chịu thua các ông rồi. Đề nghị ta báo cáo về Chính phủ, đừng làm nhục Mỹ”.

Theo ông giải thích, không làm nhục Mỹ là không tấn công vào Sài Gòn. Nhưng theo đúng kế hoạch đã định, ta đã lần lượt chiếm lĩnh các mục tiêu trong nội đô. Thế là, sau khi ta bịt đường hàng không Tân Sơn Nhất, đại sứ Mỹ Martin và bộ hạ của y phải lên máy bay trực thăng trên nóc tòa sứ quán Mỹ chạy khỏi Sài Gòn, vào lúc 4 giờ 15 phút ngày 30-4-1975.

- Ba là, tiến công kìm chân địch tại chỗ và không cho chúng chạy về đồng bằng sông Cửu Long, các hải đảo để sau đó tập hợp lại đánh phá ta.

Tại cuộc họp ngày 9-1-1975, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy Trung ương đã quyết định thành lập Đoàn 232, tương đương với một quân đoàn do đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Đồng Văn Cống chỉ huy, làm nhiệm vụ tiến công địch ở đồng bằng sông Cửu Long. Trưa ngày 27-4, quân ta đã cắt đứt quốc lộ 4 (nay là quốc lộ 1A), nối liền Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long. Bộ đội đã hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy làm chủ địa bàn, bao vây buộc quân địch tan rã, hết đường kéo về Sài Gòn ứng cứu. Bộ đội ta càng siết chặt vòng vây phía Tây Nam Sài Gòn làm cho chúng không còn đường nào tháo chạy về miền Tây và các hải đảo. Cùng thời gian này hải quân ta đã phối hợp nhịp nhàng với đất liền nhanh chóng chiếm các đảo Trường Sa, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc và làm tan rã địch tại chỗ. Ngay từ đầu Bộ thống soái đã coi mặt trận miền Tây như một mũi tấn công chiến lược. Và càng đến toàn thắng, vào lúc 3 giờ 30 phút sáng 30-4, đại tướng Võ Nguyên Giáp đã điện cho Cục Tác chiến “Chú ý hướng đồng bằng sông Cửu Long. Phải suy nghĩ tác chiến phía Quân khu 9 sau khi Sài Gòn giải phóng”.

- Bốn là, cô lập làm tan rã quân địch ở “phòng tuyến thép” Xuân Lộc và các căn cứ quân sự khác, không cho chúng kéo về Sài Gòn ứng cứu để giành thắng lợi trọn vẹn.

Sau khi phòng tuyến tiền tiêu của địch ở Phan Rang mất, chúng đã tập trung quân và vũ khí, phương tiện chiến tranh lập “phòng tuyến thép” Xuân Lộc, cách trung tâm Sài Gòn hơn 20 cây số về phía Bắc, do Sư đoàn 18 thề “tử thủ” để bảo vệ cửa ngõ phía Bắc Sài Gòn. Nhà Trắng vẫn chưa thức tỉnh đã cử ngay Đại tướng Veyand, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ sang Sài Gòn trực tiếp chỉ huy cố thủ “phòng tuyến thép”, hòng ngăn quân ta tiến công vào Sài Gòn. Nhưng bộ đội Quân đoàn 4 thực hiện chiến thuật bao vây, buộc chúng bị cô lập phải tan rã. Phối hợp nhịp nhàng với Quân đoàn 4, Quân đoàn 2 đã tiến công giải phóng tỉnh Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, các căn cứ Long Thành. Quân đoàn 1, Quân đoàn 3 đã tiến công làm tan rã căn cứ địch ở Đồng Dù, Lai Khê, Phú Lợi. Vào lúc 18 giờ ngày 26-4, Đặc công và biệt động thành Sài Gòn đã chiếm đầu cầu Đồng Nai. Ngày 27-4 ta chiếm giữ cầu Rạch Chiếc. Đêm 28-4, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức đã chiếm cầu Sài Gòn. Tại đây, khi đại quân chưa tới. Hai bên giằng co với nhau, ta quyết không cho chúng chiếm lại và phá cầu. Suốt 10 ngày (9 đến 19-4) ta siết chặt vòng vây, vài ngày sau “phòng tuyến thép” Xuân Lộc sụp đổ. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 và Trung tướng Lâm Văn Phát, tư lệnh biệt khu Thủ đô Sài Gòn bị ta bắt sống.

- Năm là, Quân đoàn 2 được lệnh tiến công vào Sài Gòn sớm hơn dự kiến, tạo điều kiện cho các cánh khác phát triển đúng kế hoạch và chiến dịch toàn thắng.

Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Quân đoàn 2 đã xin ý kiến Bộ thống soái tối cao: “Đề nghị cho 2 quân đoàn được tổng tiến công vào nội đô từ 16 giờ ngày 29-4 thay cho lúc 6 giờ ngày 30-4. Lúc 23 giờ ngày 28-4 anh Văn và Trung tướng Lê Hữu Đức đến gặp Tổng Bí thư Lê Duẩn và đề nghị cho đánh theo ý đồ của anh Tấn. Anh Ba trả lời: “...Lúc này cánh nào phát triển thắng lợi là tạo điều kiện thuận lợi cho toàn bộ chiến dịch”. Được lệnh của Bộ Thống soái tối cao, vào lúc 16 giờ ngày 29-4 xe tăng của Quân đoàn 2 tiến vào Sài Gòn. Nhưng bộ binh chưa tới kịp, các đơn vị đặc công và biệt động thành Sài Gòn đã làm lính bộ binh cùng Lữ đoàn xe tăng 203 tiến vào nội đô. Nữ giao liên Nguyễn Trung Kiên (chị Nhíp) lên xe tăng dẫn bộ đội tiến vào nội đô. Xe 387, do thượng sĩ Nguyễn Văn Hùng lái. Đến ngã tư Hàng Xanh, xe tăng 390 do trung úy chính trị viên Vũ Đăng Toàn lái, đã lập công bắn cháy 2 xe M113 và 1 xe M41 của địch trên cầu Thị Nghè. Xe 390 không thạo đường đã chạy qua đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Nguyễn Thị Minh Khai rồi rẽ sang đường Hồng Thập Tự, qua 7 ngã tư nữa mới đến dinh Độc Lập. Xe 843 do Đại đội trưởng Bùi Quang Thận lái theo đường Pasteur rẽ qua đường Công Lý, húc vào cổng phụ dinh Độc Lập, nhưng không sập. Xe chết máy. Xe 390 tăng tốc húc

đổ cổng chính dinh Độc Lập. Xe 843 nổ máy trở lại, tiếp theo xe 390. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận cầm cờ nhảy xuống xe, theo xe 390 tiến vào dinh Độc Lập. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 203 hạ lệnh cho các xe vây quanh dinh để phòng địch phản kích. Một tổ của Lữ đoàn 203 do Bùi Quang Thận cùng một tổ đơn vị đặc công Sài Gòn do Phạm Duy Đô chạy lên nóc dinh cầm cờ. Ở tổng hành dinh, Bộ Thống soái tối cao theo sát diễn biến cuộc tiến công và chỉ đạo: “Tiếp tục tiến công Sài Gòn theo đúng kế hoạch. Giải tán ngay chính quyền các cấp của địch. Công bố đặt thành phố Sài Gòn dưới quyền của Ủy ban Quân quản do Tướng Trần Văn Trà làm chủ tịch”.

Đúng 10 giờ 30 phút, Tổng thống Dương Văn Minh đã đến Đài Phát thanh Sài Gòn đọc bản tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và đại diện quân giải phóng đọc lời tiếp nhận đầu hàng của Dương Văn Minh. Đến 19 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, tức là sau 3 ngày rưỡi (từ ngày 27-4 đến trưa ngày 30-4-1975), trong đó có 5 tiếng (5 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút), quân ta đã tiến công vào nội đô của thành phố Sài Gòn. Cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng rợp trời đô thành.

Thế là sau 30 năm kể từ ngày thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam 23-9-1945 đến ngày 30-4-1975, vào lúc cao điểm Mỹ đã huy động 70% lục quân, 60% không quân, 40% hải quân, đưa hơn nửa triệu quân tinh nhuệ và hàng trăm ngàn lính chư hầu vào miền Nam Việt Nam, tốn kém hơn 720 tỷ đô-la và 58.000 binh sĩ bỏ mạng (theo bức tường tại công viên Washington). Đến nay, sau 35 năm, chiến tranh lùi vào dĩ vãng, nhưng biết bao bộ óc giỏi nhất về chính trị, quân sự của nước Mỹ đã tìm hiểu “Vì sao Mỹ thua?”. Đã có không ít câu trả lời, kể cả lời “sám hối” kiểu như Bộ trưởng Quốc phòng Mc Macnamara, vào tháng 4-1995 “Đó là một điều sai lầm khủng khiếp”. Điều sai lầm gì ông ta không nói rõ. Nhưng có điều Mỹ chưa chịu thừa nhận công khai là Mỹ đã tiến hành chiến tranh xâm lược phi nghĩa ở Việt Nam. Đó phải chăng là nguyên nhân dẫn đến thất bại “khủng khiếp” như Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đã thừa nhận. Còn bài học khác về quân sự mà người Mỹ khó có thể hiểu nổi là: Nghệ thuật quân sự Việt Nam đã hun đúc từ hàng ngàn năm lịch sử chống ngoại xâm và được nhân lên gấp bội trong thời đại Hồ Chí Minh.

T.T.Đ